TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK** Bản án số: **15**/2026/HNGĐ-ST Ngày 11 - 02 - 2026 V/v ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Ngọc Đài và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Ngọc C, sinh năm 1974. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nay là: Thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Đoàn N, sinh năm 1959. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, EaTóh huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc C trình bày:**

Tôi và ông Đoàn N sau một thời gian tìm hiểu, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, chúng tôi tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Đến ngày 10/06/2005, chúng tôi tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân: do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau, không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày

càng nhạt phai. Vào năm 2011, sau khi sinh cháu Đoàn Thái Cẩm V được 01 tuổi thì chúng tôi sống ly thân cho tới hiện tại. Nay xét thấy tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và ông Đoàn N được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi và ông Đoàn N có 01 con chung là cháu Đoàn Thái Cẩm V, sinh ngày 04/01/2010. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Thái Cẩm V, cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai và ý kiến trình bày của ông Đoàn Năm .*

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của Pháp luật.

- Về nội dung: Qua các các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Ngọc C được ly hôn với ông Đoàn Năm . Về con chung: - Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Đoàn Thái Cẩm V, sinh ngày 04/01/2010 cho bà Thái Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Đoàn N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở

. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thái Thị Ngọc C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Thái Thị Ngọc C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Bà Thái Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đoàn N có nơi cư trú tại Thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà lần thứ hai, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Đoàn N vẫn vắng mặt;

nguyên đơn bà Thái Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Ngọc C với ông Đoàn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đắk Lắk theo giấy đăng ký kết hôn số 21, quyển số 01, cấp ngày 10 tháng 06 năm 2005 nên hôn nhân của bà C với ông N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên sau khi cưới bà Thái Thị Ngọc C với ông Đoàn Năm sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông N. Tuy nhiên, ông Đoàn N không tham gia và không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Kết quả xác minh, đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ cung cấp: Bà Thái Thị Ngọc C, sinh năm 1974 và ông Đoàn N, sinh năm 1959 là vợ chồng có sinh sống tại Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là thôn T, xã E, Huyện K, tỉnh Đắk Lắk). Nguyên nhân mẫu thuẫn của ông N, bà C như thế nào thì địa phương không nắm được do không yêu cầu hoà giải tại địa phương. Nhưng hiện nay, ông N và bà C đã sống ly thân và hiện nay bà C đã về ở tại thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là: Thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk). Nay bà Thái Thị Ngọc C làm đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được."*

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Thái Thị Ngọc C và ông Đoàn N đã đến mức trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, Bà Thái Thị Ngọc C xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Còn ông Đoàn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không lên Tòa để trình bày ý kiến. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Thị Ngọc C và ông Đoàn N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc C, cho bà Thái Thị Ngọc C được ly hôn với ông Đoàn Năm .

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Thái Thị Ngọc C và ông Đoàn N có 01 con chung là cháu Đoàn Thái Cẩm V, sinh ngày 04/01/2010.

Hiện nay cháu đang do bà Thái Thị Ngọc C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn thì nguyện vọng của bà C là trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Thái Cẩm V, sinh ngày 04/01/2010 cho đến khi cháu trưởng thành.

Quá trình làm việc tại Toà, xét thấy cháu Đoàn Thái Cẩm V hiện nay đã trên 07 tuổi nên Toà đã cho cháu ghi lời khai, thì thấy cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn N cũng không có mặt để xác định nguyện vọng của ông về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của bà

Thái Thị Ngọc C là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xét thấy cần giao cháu cháu Đoàn Thái Cẩm V cho bà Thái Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Ông Đoàn N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thái Thị Ngọc C không yêu cầu ông Đoàn N cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Thái Thị Ngọc C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Thái Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ngọc C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Ngọc C được ly hôn với ông Đoàn Năm .

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Đoàn Thái Cẩm V, sinh ngày 04/01/2010 cho bà Thái Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Đoàn N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Đoàn N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thái Thị Ngọc C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thái Thị Ngọc C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Thái Thị Ngọc C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0005189 ngày 04 tháng 12 năm 2025.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã Dliêya, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Tâm